***(Mẫu báo cáo tự đánh giá chuyên ngành)***

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHIẾU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

**PHẦN A: GIỚI THIỆU CHUNG**

**I. Thông tin chung chuyên ngành đào tạo**

1. Tên chuyên ngành (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: ........................................................................................................

Tiếng Anh: ........................................................................................................

1. Tên viết tắt:

Tiếng Việt: ........................................................................................................

Tiếng Anh: ........................................................................................................

1. Tên trước đây (nếu có): ....................................................................................
2. Khoa quản lý:.......................................................................................
3. Địa chỉ: .................................................................................................

.......................................................................................................................

1. Thông tin liên hệ: Điện thoại ................................ Số fax ...............................

E-mail.............................................. Website....................................................

1. Năm thành lập (theo quyết định thành lập):.........................................
2. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: .....................................................................
3. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: ......................................................

**II. Giới thiệu khái quát về chuyên ngành**

1. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của chuyên ngành: nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật (không quá 1 trang).
2. Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa quản lý chuyên ngành (vẽ sơ đồ mô tả tổ chức hành chính của Khoa quản lý chuyên ngành).
3. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các đơn vị (bộ phận) | Họ và tên | Chức danh, học vị, chức vụ | Điện thoại, email |
| 1. Trưởng, Phó Khoa |  |  |  |
| 2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn,… (chỉ ghi cấp Trưởng) |  |  |  |
| 3. Các trung tâm/ viện trực thuộc (chỉ ghi cấp Trưởng) |  |  |  |
| 4. Các bộ môn (chỉ ghi cấp Trưởng) |  |  |  |
| … |  |  |  |

1. Các loại hình đào tạo (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có Không

Chính quy [ ]  [ ]

Không chính quy [ ]  [ ]

Từ xa [ ]  [ ]

Liên kết đào tạo với nước ngoài [ ]  [ ]

Liên kết đào tạo trong nước [ ]  [ ]

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)…………

**III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Khoa quản lý chuyên ngành**

1. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phân loại** | **Nam** | **Nữ** | **Tổng số** |
| I | **Cán bộ cơ hữu[[1]](#footnote-1)** *Trong đó:* |  |  |  |
| I.1 | Cán bộ trong biên chế |  |  |  |
| I.2 | Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn |  |  |  |
| II | **Các cán bộ khác** Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng[[2]](#endnote-1)) |  |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |

1. Thống kê, phân loại giảng viên *(chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Trình độ, học vị, chức danh | Số lượng giảng viên | Giảng viên cơ hữu | Giảng viên thỉnh giảng trong nước | Giảng viên quốc tế |
| GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn[[3]](#footnote-2) trực tiếp giảng dạy | Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Phó Giáo sư |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Tiến sĩ khoa học |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Tiến sĩ |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Thạc sĩ |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Đại học |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Cao đẳng |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Trình độ khác |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng số |  |  |  |  |  |  |

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) =……………………….người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:…………………..................

**IV. Người học**

 Đánh giá đối tượng sinh viên đại học, cao đẳng chính quy

1. Chất lượng tuyển sinh đầu vào trong 5 năm gần đây.
2. Kết quả học tập và thi tốt nghiệp của sinh viên trong 5 năm gần đây.

**V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

1. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Phân loại đề tài | Hệ số\*\* | Số lượng |
| 200..-200... | 200..-200... | 200..-200... | 200..-200... | 200..-200... | Tổng (đã quy đổi) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| 1 | Đề tài cấp NN | 2,0 |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Đề tài cấp Bộ\* | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Đề tài cấp trường | 0,5 |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Tổng |  |  |  |  |  |  |  |

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: ..............................................................

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: .................................................

1. Số lượng sách được xuất bản trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Phân loại sách | Hệ số\*\* | Số lượng |
| 200... | 200... | 200... | 200... | 200... | Tổng (đã quy đổi) |
| 1 | Sách chuyên khảo | 2,0 |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Sách giáo trình | 1,5 |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Sách tham khảo | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Sách hướng dẫn | 0,5 |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Tổng |  |  |  |  |  |  |  |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): ..............................................................

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: ................................

1. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Phân loại tạp chí | Hệ số\*\* | Số lượng |
| 200... | 200... | 200... | 200... | 200... | Tổng (đã quy đổi) |
| 1 | Tạp chí KH quốc tế | 1,5 |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Tạp chí KH cấp Ngành trong nước | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Tạp chí / tập san của cấp trường | 0,5 |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Tổng |  |  |  |  |  |  |  |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): ..............................................................

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: ..............................

1. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Phân loại hội thảo | Hệ số\*\* | Số lượng |
| 200... | 200... | 200... | 200... | 200... | Tổng (đã quy đổi) |
| 1 | Hội thảo quốc tế | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hội thảo trong nước | 0,5 |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Hội thảo cấp trường | 0,25 |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Tổng |  |  |  |  |  |  |  |

*(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)*

*\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): ..............................................................

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: ......................................

**PHẦN B: TỰ ĐÁNH GIÁ CHUYÊN NGÀNH**

**21. Đặt vấn đề**

**22. Tổng quan chung**

**(Viết tóm tắt và mô tả từng tiêu chuẩn, không quá 10 trang)**

Giới thiệu tóm tắt bối cảnh, tình hình các mặt hoạt động theo 9 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, trong đó nêu bật những điểm mạnh, những tồn tại và kế hoạch khắc phục, những định hướng phát triển nâng cao chất lượng trong tương lai.

**TIÊU CHUẨN 1**

**MỤC TIÊU CỦA CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO**

Lời dẫn hoặc tóm tắt

 1. Những điểm mạnh

 2. Những tồn tại và kế hoạch khắc phục

 3. Kết luận

 *(Tự đánh giá tiêu chí nào đạt mức 1, mức 2)*

**TIÊU CHUẨN 2**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC CHUYÊN NGÀNH**

Lời dẫn hoặc tóm tắt

1. Những điểm mạnh

2. Những tồn tại và kế hoạch

3. Kết luận

 *(Tự đánh giá tiêu chí nào đạt mức 1, mức 2)*

*………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

 (Đánh giá lần lượt cho đến hết 9 tiêu chuẩn theo cấu trúc trên)

**23. Tự đánh giá theo từng tiêu chí**

**TIÊU CHUẨN 1**

**MỤC TIÊU CỦA CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO**

**Mở đầu** (ngắn gọn): phần này mô tả tóm tắt, phân tích chung về cả tiêu chuẩn (vì có những điểm giao thoa giữa các tiêu chí trong cùng 1 tiêu chuẩn, nên cần mô tả chung ở đây và sẽ **không lặp** lại trong phần phân tích các tiêu chí)

**Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chuyên ngành đào tạo được xác định rõ ràng, cụ thể, được thông đạt và được thấu hiểu trong tổ chức.**

**1. Mô tả** (cần mô tả và phân tích tất cả những nội hàm của các minh chứng liên quan để chứng minh khoa đạt mức 1 hoặc mức 2): .....................................................

**2. Những điểm mạnh** (nêu những điểm mạnh nổi bật của khoa trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí): .....................................................................................

**3.** **Những tồn tại** (nêu những tồn tại của khoa trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí):..................................................................................................................

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng** (nhằm phát huy mặt mạnh, khắc phục tồn tại, cần đưa ra các biện pháp, nguồn lực và dự kiến thời gian hoàn thành): ........................................................……

**5. Tự đánh giá**: Đạt mức 1 hoặc 2

**Tiêu chí 1.2. Mục tiêu chuyên ngành đào tạo đảm bảo tính phù hợp với mục tiêu giáo dục của ngành GD&ĐT, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; nhu cầu của người học và của người sử dụng lao động; phù hợp với nguồn lực của cơ sở đào tạo.**

**1. Mô tả** (cần mô tả và phân tích tất cả những nội hàm của các minh chứng liên quan để chứng minh khoa đạt mức 1 hoặc mức 2): .....................................................

**2. Những điểm mạnh** (nêu những điểm mạnh nổi bật của khoa trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí): .....................................................................................

**3.** **Những tồn tại** (nêu những tồn tại của khoa trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí):..................................................................................................................

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng** (nhằm phát huy mặt mạnh, khắc phục tồn tại, cần đưa ra các biện pháp, nguồn lực và dự kiến thời gian hoàn thành): ........................................................……

**5. Tự đánh giá**: Đạt mức 1 hoặc 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:** (nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; số lượng tiêu chí đạt yêu cầu, số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu). *(Lưu ý không đánh giá tiêu chuẩn đạt hay chưa đạt yêu cầu)*

**TIÊU CHUẨN 2**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CHUYÊN NGÀNH**

**Mở đầu** (ngắn gọn): phần này mô tả tóm tắt, phân tích chung về cả tiêu chuẩn (vì có những điểm giao thoa giữa các tiêu chí trong cùng 1 tiêu chuẩn, nên cần mô tả chung ở đây và sẽ **không lặp** lại trong phần phân tích các tiêu chí)

**Tiêu chí 2.1. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo tính khoa học và hợp lý.**

**1. Mô tả** (cần mô tả và phân tích tất cả những nội hàm của các minh chứng liên quan để chứng minh khoa đạt mức 1 hoặc mức 2): .....................................................

**2. Những điểm mạnh** (nêu những điểm mạnh nổi bật của khoa trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí): .....................................................................................

**3.** **Những tồn tại** (nêu những tồn tại của khoa trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí): ..................................................................................................................

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng** (nhằm phát huy mặt mạnh, khắc phục tồn tại, cần đưa ra các biện pháp, nguồn lực và dự kiến thời gian hoàn thành): ........................................................……

**5. Tự đánh giá**: Đạt mức 1 hoặc 2

**Tiêu chí 2.2. Cấu trúc chương trình đảm bảo tính khoa học, hợp lý về nội dung, thời lượng, cập nhật, hiện đại và đáp ứng việc thực hiện mục tiêu chuyên ngành đào tạo.**

**1. Mô tả** (cần mô tả và phân tích tất cả những nội hàm của các minh chứng liên quan để chứng minh khoa đạt mức 1 hoặc mức 2): .....................................................

**2. Những điểm mạnh** (nêu những điểm mạnh nổi bật của khoa trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí): .....................................................................................

**3.** **Những tồn tại** (nêu những tồn tại của khoa trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí):..................................................................................................................

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng** (nhằm phát huy mặt mạnh, khắc phục tồn tại, cần đưa ra các biện pháp, nguồn lực và dự kiến thời gian hoàn thành): ........................................................……

**5. Tự đánh giá**: Đạt mức 1 hoặc 2

.......................................................................................................................

 (Đánh giá lần lượt cho đến hết các tiêu chí của Tiêu chuẩn 2 theo cấu trúc trên)

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:** (nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; số lượng tiêu chí đạt yêu cầu, số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu). *(Lưu ý không đánh giá tiêu chuẩn đạt hay chưa đạt yêu cầu)*

.......................................................................................................................

 (Đánh giá lần lượt cho đến hết 9 tiêu chuẩn theo cấu trúc trên)

**VI. KẾT LUẬN**

Kết luận chung về công tác tự đánh giá và kết quả tự đánh giá của Khoa

 Tổng hợp kết quả tự đánh giá

**PHẦN C: PHỤ LỤC**

***24. Danh mục các minh chứng***

| **TT** | **MINH CHỨNG** | **MÃ MC** | **NƠI BAN HÀNH** | **GHI CHÚ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Minh chứng tiêu chuẩn 1 |
| 1 |  | MC 1.01 |  |  |
| 2 |  | MC 1.02 |  |  |
| … |  |  |  |  |
| Minh chứng tiêu chuẩn 2 |
| 3 |  | MC 2.01 |  |  |
| 4 |  | MC 2.02 |  |  |
| … | ………… |  |  |  |
| Minh chứng tiêu chuẩn 9 |
| 5 |  | MC 9.01 |  |  |
| 6 |  | MC 9.02 |  |  |
| … |  |  |  |  |

***Chú ý: Cách mã hóa minh chứng***

Để cho việc tiép cận minh chứng dễ dành và nhanh chóng trong báo cáo này chúng tôi sử dụng phương pháp mã hoá minh chứng như sau: [MC X.Y]. Trong đó:

- X: số thứ tự của tiêu chuẩn

- Y: số thứ tự của minh chứng trong tiêu chuẩn X

**25. Mẫu và bảng biểu thống kê**

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. [↑](#endnote-ref-1)
3. [↑](#footnote-ref-2)